

Bản án số: 61/2021/HNGĐ- ST

Ngày: 02/07/2021

“V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Tất Ngọc Trân.**

- Các Hội thẩm nhân dân: **1/ Bà Hồ Thị Ngân**

2/ Ông Nguyễn Quốc Tiến

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Việt Bắc**

Trong ngày 02 tháng 07 năm 2021, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 438/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 06 năm 2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: chị T**, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: Số 50/7 Mạc Đĩnh Chi, khu phố Lý Thường Kiệt, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

- **Bị đơn: Anh K**, sinh năm 1993 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 77 Hàm Nghi, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai của nguyên đơn- chị T đã trình bày:** Chị T và anh K tự nguyện quen nhau và đã được Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/03/2016. Trong quá trình chung sống giữa anh chị thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ tình cảm gia đình, vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Chị T xin được ly hôn với anh K .

Về con chung: Chị T xác định trong quá trình chung sống anh chị có với nhau 01 người con chung là cháu Lê Nguyễn T V, sinh ngày 15/5/2018. Hiện nay cháu T V đang do chị T nuôi dưỡng, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Vợ chồng cam kết không có nợ chung.

*** Tại bản tự khai ngày 21 tháng 06 năm 2021 anh K có ý kiến trình bày:** Anh K thống nhất theo lời trình bày của chị T về hôn nhân và những mâu thuẫn trong hôn nhân, anh K đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh K xác định trong quá trình chung sống anh chị có với nhau 01 người con chung là cháu Lê Nguyễn T V, sinh ngày 15/5/2018. Hiện nay cháu T V đang do chị T nuôi dưỡng, anh K đồng ý giao cháu Vy cho chị T nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Vợ chồng không có.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn anh K là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh K và chị T tự tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/3/2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn anh K có đơn xin xét xử vắng mặt, tại phiên tòa chị T đồng ý xét xử vắng mặt anh K theo quy định pháp luật; do đó Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt anh K.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn: Chị T và anh K thống nhất lời trình bày là trong quá trình chung sống ông bà thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, chủ yếu là về tình cảm gia đình và bất đồng quan điểm sống, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mặc dù ông bà đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh K. Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh K đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, anh chị không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó sau khi nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

[4] Xét về con chung Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh K chung sống có 01 người con chung là cháu Lê Nguyễn T Vy, sinh ngày 15/5/2018. Tại phiên tòa chị T yêu cầu được nuôi con chung, anh K đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. anh K có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục con chung không ai cản trở anh K thực hiện quyền này. Do anh K vắng mặt tại phiên Tòa nên quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, thì anh K có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[5] Về tài sản chung: Anh chị xác định tài sản chung vợ chồng không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh chị cam kết trong quá trình chung sống anh chị không có vay mượn tổ chức, cá nhân nào nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nợ chung.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh K. Cho chị T được ly hôn với anh K.

- **Về con chung:** Giao con chung là cháu Lê Nguyễn T Vy, sinh ngày 15/5/2018 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Anh K có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục con chung, chị T và những người thân trong gia đình không được cản trở anh K thực hiện quyền này.

- **Về tài sản chung:** Anh chị xác định tài sản chung không có, không yêu cầu xem xét giải quyết.

- **Về nợ chung:** Anh chị cam kết vợ chồng không có nợ chung, và cũng không ai nợ ông bà.

- **Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:** Chị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án, lệ phí số 0004714 ngày 04/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá nên chị T không phải nộp thêm.

- **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có mặt tại quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02/07/2021). Đối với đương sự vắng mặt

thì thời gian kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

** Nơi nhận :*

- TAND Tỉnh Kiên Giang
- VKSND TP. Rạch Giá.
- Chi cục THA Dân sự TPRG
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

Huỳnh Tất Ngọc Trân